

Số: 2686/QĐ-UBND

Bắc Sơn, ngày 05 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Trán Yên, huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Văn bản hợp nhất Luật Bảo vệ môi trường ngày 04/07/2019; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy

hoạch xây dựng; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 07:2023/QCVN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 4286/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện Bắc Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 79/TTr-PKT&HT ngày 04/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030.

1.2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) *Phạm vi ranh giới:* là toàn bộ địa giới hành chính của xã Trấn Yên, ranh giới xã được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Hưng Vũ- huyện Bắc Sơn;

+ Phía Nam giáp xã Nhất Tiên - huyện Bắc Sơn và xã Hữu Liên - huyện Hữu Lũng;

+ Phía Đông giáp xã Hữu Lễ và xã Tri Lễ - huyện Văn Quan;

+ Phía Tây giáp xã Vũ Lăng, xã Nhất Hòa - huyện Bắc Sơn.

b) *Quy mô lập quy hoạch:*

* Quy mô diện tích: gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã: 8.869,9 ha;

* Quy mô dân số:

- Quy mô dân số năm 2021 là : 6.801 người; năm 2023 là 6.975 người;
- Dự báo dân số đến năm 2025: Khoảng 7.110 người;
- Dự báo dân số đến năm 2030: Khoảng 7.520 người;
- Tốc độ gia tăng dân số trung bình mỗi năm khoảng 1,20 %;

*** Lao động:**

- Dân số trong độ tuổi lao động năm 2023 là: 4.533 người chiếm 65,1 % tổng dân số;

Dự báo:

- Năm 2025 số lao động của xã là khoảng 4.690 người, chiếm khoảng 66,00% tổng dân số;

- Năm 2030 số lao động của xã là khoảng 5.030 người, chiếm khoảng 67,00% tổng dân số;

2. Quan điểm, mục tiêu, tính chất, chức năng của xã:

2.1. Quan điểm:

- Phát huy thế mạnh địa phương; Có chiến lược dài hạn và kế hoạch ngắn hạn phù hợp với thực tiễn địa phương - phù hợp với định hướng quy hoạch vùng huyện, tỉnh;

- Bảo đảm an ninh Quốc phòng, trật tự xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phát triển bền vững;

- Phát triển kinh tế - xã hội của xã Trấn Yên gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ và du lịch văn hóa-sinh thái-cộng đồng.

2.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới là quy hoạch không gian và quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy tiến trình hiện đại hóa nông thôn, đẩy mạnh tiểu thủ công nghiệp; bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị truyền thống trên địa bàn xã.

- Quy hoạch phải đi trước một bước làm cơ sở xây dựng kế hoạch: sản xuất, phát triển hạ tầng, văn hóa, môi trường.

- Quy hoạch phải đảm bảo tính hiện đại, văn minh có tính kế thừa và phát triển bền vững.

- Quy hoạch phải tuân thủ Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới do Chính phủ và UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chung của các cấp có thẩm quyền.

- Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời phải có quy định quản lý xây dựng theo đồ án để làm cho nông nghiệp, nông thôn phát triển

đảm bảo đúng các quy định về trật tự xây dựng, kang trang, sạch đẹp, tiết kiệm đất đai và các nguồn lực xã hội.

- Tạo quỹ đất phát triển dân cư, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất của người dân khu vực và vùng lân cận. Làm cơ sở pháp lý đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch và là cơ sở để lập quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng.

- Tăng hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn, khai thác quỹ đất tạo nguồn thu cho ngân sách.

2.3. Tính chất, chức năng của xã:

- Với các đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên hiện trạng của xã, về cơ bản xã Trấn Yên là một xã thuần nông, kinh tế chủ yếu của xã vẫn dựa vào sản xuất nông - lâm nghiệp.

- Là xã cửa ngõ phía Đông Nam của huyện Bắc Sơn liên kết với huyện Hữu Lũng bằng tuyến đường ĐT243.

- Định hướng phát triển kinh tế xã hội xã phù hợp với định hướng chung của huyện, vùng huyện, tỉnh theo Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/03/2024. Theo đó: Sản xuất nông nghiệp vẫn là mũi nhọn trong định hướng phát triển kinh tế trên địa bàn xã. Định hướng xây dựng phát triển kinh tế - xã hội trong đó tập trung chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp chất lượng cao, tạo mọi điều kiện và khuyến khích nhân dân tích cực cải tạo vườn tạp, phát triển trồng cây ăn quả có múi, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản tại các ao nhỏ, đập hồ, lớn. Đẩy mạnh đa dạng hóa thêm các ngành nghề khác trong xã hội thuộc các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ; Tận dụng những lợi thế từ môi trường, cảnh quan đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái- lịch sử- văn hóa, giải quyết vấn đề lao động, việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Xây dựng khu trung tâm xã kang trang hiện đại quy, thay đổi bộ mặt của xã, tạo tiền đề thu hút tăng dân số cơ học; khuyến khích tăng dân số tự nhiên.

3. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo:

- Nền kinh tế của xã Trấn Yên những năm 2010-2023 chủ yếu vẫn là nông-lâm –ngư nghiệp. Trên cơ sở thuận lợi về vị trí địa lý cần có giải pháp quy hoạch, đầu tư hạ tầng nông thôn mang tính chiến lược lâu dài, đẩy mạnh sản xuất, tăng cường chuyển dịch cơ cấu kinh tế cây trồng, vật nuôi theo hướng mô hình trang trại. Thực hiện mô hình hợp tác xã liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo phát triển bền vững.

- Kết hợp trồng cây lấy gỗ như: Keo, Hôi, Quế, Bạch Đàn đây là loại hình trồng rừng có thu nhập đang phát triển, các cây này lớn nhanh, phù hợp với điều kiện khí hậu của địa phương đầu ra lại ổn định vì thế loại hình trồng rừng này cũng là loại hình cần nhân rộng vừa che phủ hết các đồi trọc mà vẫn có thu nhập cao. Chuyển đổi cây trồng phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng địa phương, phù

hợp với đầu ra như các loại cây có múi .v.v... và các một số hoa quả khác. Đặc biệt là quýt vàng, sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu của Huyện. Trú trọng vào sản phẩm cây công nghiệp địa phương cây thuốc lá, cây lạc vỏ với diện tích trồng hàng năm tương đối lớn tại xã. Cần trú trọng đầu ra, bao tiêu sản phẩm, nghiên cứu dây chuyền sản xuất các sản phẩm từ cây thuốc lá ra thị trường tạo thương hiệu địa phương. Ngoài ra cũng phát triển mô hình trồng cây dược liệu và mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản. Đây cũng sẽ là hạt nhân để chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Cần tiếp tục mở rộng các hợp tác xã, doanh nghiệp, quy hoạch sản xuất khoanh vùng các loại cây, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tạo động lực phát triển kinh tế. Trú trọng phát triển các Hợp tác xã, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã.

- Dự báo đến năm 2030 kinh tế Trấn Yên phát triển theo hướng đa dạng hoá ngành nghề nhưng vẫn giữ được trọng tâm phát triển nông-lâm nghiệp. Chất lượng, sản lượng, giá trị của sản phẩm nông lâm nghiệp được nâng cao, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển mô hình kinh tế trang trại. Bên cạnh đó hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn bằng cách xây dựng một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp phục vụ gia công thô sản phẩm nông nghiệp và đẩy mạnh thương mại dịch vụ, kết hợp phát triển các loại hình du lịch sinh thái-văn hóa cộng đồng, du lịch nông nghiệp.

4. Nội dung quy hoạch chung:

4.1. Phân khu chức năng:

a) Nguyên tắc:

- Triệt để tận dụng và kế thừa cơ sở hiện có;
- Thực hiện từng bước xây dựng theo hướng đô thị hóa nông thôn.
- Tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất ruộng. Khai thác sử dụng đất đồi rùng vào mục đích xây dựng.

- Đề xuất:

+ Ưu tiên sử dụng đất xen kẹt, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

+ Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng các khu đất xen kẹt, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

+ Đối với đất xây dựng công trình công cộng: Tôn trọng hiện trạng, phát triển mới phải có hướng liên kết các công trình công cộng để tạo dựng bộ mặt khu trung tâm xã, thôn.

b) Cơ cấu quy hoạch, phân khu chức năng:

- Khu trung tâm: tổ chức thành 2 cấp gồm trung tâm xã và trung tâm thôn.
- Khu dân cư: Khu ở cũ, khu dân cư cải tạo, khu ở mới.

+ Trung tâm xã được xác định tại thôn Táng Nàng qua các thời kỳ, đã được đầu tư xây dựng các công trình cơ bản của một đơn vị hành chính thuộc huyện. Các công trình công cộng định hướng phát triển theo hướng phát triển mở rộng trên cơ sở hiện tại, vị trí tập trung, giao thông thuận tiện đảm bảo phối hợp hoạt động, thuận tiện đáp ứng nhu cầu của người dân trên toàn xã; hoàn thiện trong hoạt động hành chính; bên cạnh đó xây dựng mới một số công trình còn thiếu hoặc đã xuống cấp, không đủ tiêu chuẩn quy mô tối thiểu trên cơ sở các tiêu chí nông thôn mới và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đến năm 2030. Tạo điểm nhấn thu hút tại khu trung tâm xã, thay đổi bộ mặt xã, tạo tiền đề thu hút tăng dân số cơ học, từ đó giải quyết vấn đề về lao động, phát triển kinh tế xã hội theo những mục tiêu kinh tế đã đề ra.

+ Trung tâm thôn: là khu tập trung dân cư của từng thôn; bao gồm công trình nhà văn hóa thôn, điểm vui chơi giải trí TDTT sinh hoạt cộng đồng. Hiện trên địa bàn các thôn cơ bản đã được đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng, khu đất xây dựng hiện đã đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 200 m², một số nhà văn hóa thôn chưa đảm bảo hội trường nhà văn hóa thôn phải đảm bảo phục vụ từ 100 chỗ ngồi trở lên và còn thiếu sân chơi bãi tập, vì vậy hướng quy hoạch hiện tại là cần cải tạo xây dựng các nhà văn hóa thôn chưa đạt chuẩn về sức chứa, cũng như bổ sung cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tại các thôn.

Bảng 01. Tổng hợp Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội.

TT	Công trình	Tên thôn	Diện tích hiện trạng (m ²)	Diện tích Quy hoạch (m ²)	Tăng (+) Giảm (-) (m ²)
1	Trụ sở UBND xã	Táng Nàng	3.776	4.376	-1.100 (xây NVH xã) +1.701 (mở rộng phía Nam)
2	Trạm y tế xã	Táng Nàng	1.334	1.334	+0
3	Công an xã	Táng Nàng	420	1.420	+1.000
4	Ban chỉ huy QS xã (diện tích XD khoảng 400m ² trong tổng diện tích khu đất)	Táng Nàng	0	850	+850
5	Trường THCS xã	Táng Nàng	5.843	5.843	+0
6	Nhà văn hóa xã	Táng Nàng	0	1.100	+1.100
8	Sân thể thao xã	Táng Nàng	8.208	16.000 +12.000	+7.793
9	Sân thể thao các thôn	Các thôn			+700
10	Bru điện xã	Táng Nàng	86	150	+70

11	Trường mầm non xã	Làng Giáo	2.410,8	4.614,3	+2.203
12	Trường Tiểu Học I (QH Trường chính)	Làng Mỏ	3.807	7.420	+3.473
13	Trường Tiểu Học II (QH Phân trường)	Làng Thắm	3.451	3.451	+0
14	Chợ xã	Táng Nàng	4.600	4.600	0
15	Thao trường DQTV	Làng Thắm		+12.550	+12.550

Bảng 02. Tổng hợp Quy hoạch nhà văn hóa các thôn, sân TDTT các thôn:

STT	Nhà Văn Hóa	Hiện trạng NVH (đã xd)	Diện tích khu đất xây dựng (m ²)	Diện tích sân TDTT thôn (m ²)	Quy hoạch
1	Thôn Làng Huyện	0	1100	700	Quy hoạch xây mới
2	Thôn Làng Thắm	x	420	281	Đủ TC
3	Thôn Lân Gặt	x	420	305	Đủ TC
4	Thôn Táng Nàng	x	528	368	Đủ TC
5	Thôn Pá Chí	x	560	400	Đủ TC
6	Thôn Làng Mỏ	x	370	130	Tăng 100m ² cho sân TDTT
7	Thôn Làng Gà 1	x	370	171	Tăng 100m ² cho sân TDTT
8	Thôn Làng Gà 2	x	346	120	Tăng 100m ² cho sân TDTT
9	Thôn Làng Giáo	x	385	250	Đủ TC
10	Thôn Làng Rộng	x	1800	800	Đủ TC
11	Thôn Thâm Vót	x	700	400	Đủ TC
12	Thôn Lân Cà	x	360	168	Tăng 50m ² cho sân TDTT
13	Thôn Lân Hoèn	x	230	130	Tăng 100m ² cho sân TDTT
14	Thôn Noóc Mò	x	243	126	Tăng 100m ²

					cho sân TDTT
15	Thôn Pá Ó	x	420	340	Đủ TC

4.2. Định hướng quy hoạch, tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc điểm dân cư mới và cải tạo.

a) Định hướng:

- Khu trung tâm: tại thôn Táng Nàng, dọc tuyến đường liên xã ĐT243 nhà ở có diện tích nhỏ (200 - 300 m²) các hộ phía trước có thể kết hợp vừa ở và kinh doanh dịch vụ tạo thành khu dân cư tập trung.

- Thôn xóm ven các sườn đồi được bố trí thành các dải và lớp. Lớp nhà phía trước là nhà nông thôn (diện tích 300 - 600 m²), có thể có kinh doanh dịch vụ nhỏ. Lớp nhà phía sau với diện tích và quy mô rộng hơn (600 - 3000 m²- Bao gồm cả diện tích vườn - rừng đồi) được xây dựng theo mô hình nhà ở kết hợp vườn đồi - trồng rừng.

b) Nguyên tắc tổ chức điểm dân cư nông thôn:

- Công trình công cộng trong điểm dân cư tập trung gồm có: trường học, nhà văn hóa cụm dân cư kết hợp với điểm bưu điện, truy cập internet. Nhà văn hóa xây dựng kiên cố, nền cao tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.

- Các khu dân cư có mật độ cao có một điểm thu gom rác tập trung. Các khu ở phân tán: hạn chế xây dựng.

- Khu chăn nuôi tập trung có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường tới khu dân cư bằng các biện pháp trồng cây và xử lý về nước sạch. Vị trí các xa khu dân cư tập trung, mật độ cao

c) Quy hoạch các điểm dân cư mới:

- Mở mới dọc theo tuyến đường trục xã ĐT243, các tuyến đường trục thôn từ 50-80m tính từ lề đường- đảm bảo giao thông cho các lớp nhà phía trước phía sau thuận tiện)

- Mở rộng xen cây đất ở mới trên cơ sở các khu dân cư cũ ở những khu vực thuận lợi cho xây dựng tại khu vực trung tâm xã, trung tâm thôn;

Các vị trí quy hoạch đất ở mới cụ thể trên bản đồ ký hiệu QH:05/05 định hướng phát triển không gian toàn xã, tổng diện tích quy hoạch chuyển đổi sang đất ở mới là khoảng 14,6 ha. Đảm bảo tiêu chuẩn đất cây xanh khu dân cư tối thiểu 2-4m²/người trở lên.

4.3. Định hướng tổ chức không gian xã.

a) Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, hạ tầng xã hội.

* *Quy hoạch khu hành chính- công sở xã:* định hướng quy hoạch tại thôn Táng Nàng, cụ thể như sau:

- *Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã:* Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện tại khoảng 3.776m², điều chỉnh giảm quy mô khoảng 1.100 m² tại phía Nam khu

đất thành đất xây dựng Nhà Văn hóa xã. Quy hoạch mở rộng thêm khoảng 1.701 m² về phía Nam giáp đất sân TT xã, nâng tổng diện tích khu đất xây dựng trụ sở UBND xã sau điều chỉnh là khoảng 4.376m²

- *Ban chỉ huy quân sự xã*: Quy hoạch xây dựng mới với quy mô diện tích đất xây dựng khoảng 400 m² trên khu đất có diện tích khoảng 850m² gần trụ sở UBND xã thuộc địa phận thôn Táng Nàng.

+ *Trụ sở công an xã*: Giai đoạn ngắn hạn giữ nguyên vị trí hiện tại thuộc thôn Táng Nàng, quy mô khoảng 420 m² (là trụ sở UBND xã giai đoạn trước). Quy hoạch vị trí xây dựng mới tại khu hành chính công sở xã thuộc thôn Táng Nàng, gần sân TDTT và trụ sở UBND xã với quy mô diện tích khoảng 1.000 m².

+ *Nhà Văn Hóa xã*: Quy hoạch xây mới tại khu đất giáp phía nam khu đất trụ sở UBND xã, diện tích khu đất xây dựng khoảng 1.100 m².

b) Các công trình công cộng khác:

- *Trạm y tế xã*: Giữ nguyên vị trí và quy mô khu đất xây dựng thuộc thôn Táng Nàng, quy mô diện tích khoảng 1.334 m²

- *Buru điện xã*: Giữ nguyên vị trí hiện tại thuộc địa bàn thôn Táng Nàng, có quy hoạch định hướng mở rộng khu đất xây dựng buru điện xã từ 86 m² hiện tại thêm khoảng 70m², đảm bảo tiêu chuẩn khu đất xây dựng tối thiểu 150m².

c) Đất giáo dục:

- *Trường Mầm Non*:

+ *Trường chính Mầm Non thuộc thôn Táng Nàng*: Giữ nguyên vị trí thuộc thôn Làng Giáo, quy hoạch mở rộng quy mô khu đất xây dựng về phía Đông-Bắc khu đất hiện tại thêm khoảng 1.772,5m², và phía Tây-Nam khu đất hiện tại diện tích khoảng 431m² nâng tổng diện tích quy mô khu đất xây dựng Trường Mầm non xã là khoảng 4.614,3 m². Mục tiêu xây dựng Trường Mầm non đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/ chỗ học, với dự báo số trẻ mầm non đến năm 2030 khoảng 450 trẻ, đảm bảo về bán kính phục vụ không quá 2km, bổ sung cơ sở vật chất mục tiêu đạt trường chuẩn Quốc Gia.

Đối với 05 phân Trường Mầm non:

+ Quy hoạch mở rộng điểm trường Lân Cà thuộc trường Mầm non xã Trấn Yên với quy mô mở rộng diện tích đất của điểm trường là 663,3m².

+ Quy hoạch mở rộng điểm trường thôn Lân Cà-Lân Hoàn thuộc trường Mầm non xã Trấn Yên với quy mô mở rộng diện tích đất của điểm trường là 464,5m².

+ Quy hoạch mở mới điểm trường Mầm non tại thôn Lân Gật thuộc trường Mầm non xã Trấn Yên, với quy mô xây dựng 04 lớp học cho trên 100 trẻ, diện tích khoảng 1800m².

+ Giữ nguyên cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất đối với điểm trường Mầm non thôn Pá Ó với quy mô diện tích khoảng 777 m² .

+ Giữ nguyên cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất đối với điểm trường Mầm non thôn Noóc Mò với quy mô diện tích khoảng 728 m².

- *Trường Tiểu học*: Trên địa bàn xã hiện có 2 trường Tiểu học. Theo kế hoạch sẽ sáp nhập Trường PTDT BT Tiểu học 1 xã Trấn Yên và Trường PTDT BT Tiểu học 2 xã Trấn Yên thành trường PTDT BT Tiểu học xã Trấn Yên do vậy định hướng quy hoạch đối với các cơ sở trường tiểu học như sau:

+ *Trường PTDT BT Tiểu học I xã Trấn Yên*: Trở thành trường chính Tiểu Học xã Trấn Yên: Vẫn giữ nguyên vị trí tại thôn Làng Mỏ. Quy hoạch mở rộng quy mô khu đất hiện tại thêm khoảng 3.473 m² về phía Tây khu đất hiện trạng, nâng tổng diện tích khu đất xây dựng trường Tiểu học xã sau điều chỉnh là khoảng 7.420 m². Mục tiêu xây dựng trường Tiểu học đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/ chỗ học với dự báo số học sinh khối tiểu học đến năm 2030 khoảng 740 học sinh, đảm bảo về bán kính phục vụ từ 1-2 km, bổ sung cơ sở vật chất mục tiêu đạt trường chuẩn Quốc Gia.

+ *Trường PTDT BT Tiểu học II xã Trấn Yên*: đổi tên gọi thành điểm trường Làng Thắm, vẫn giữ nguyên vị trí và quy mô khoảng 2.967,7m² tại thôn Làng Thắm. Mục tiêu xây dựng điểm trường Tiểu học đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/ chỗ học đối với nhóm học sinh trong bán kính phục vụ, đảm bảo về bán kính phục vụ từ 1-2 km.

+ *Đối với 08 phân trường Tiểu học trên địa bàn xã Trấn Yên*: Giữ nguyên quy mô và vị trí khu đất xây dựng các điểm trường, cải tạo và bổ sung cơ sở vật chất đối với điểm trường, đảm bảo mục tiêu dạy và học cho nhóm trẻ trong bán kính phục vụ.

- *Trường THCS xã Trấn Yên*: Giữ nguyên vị trí và quy mô khu đất xây dựng khoảng 5.843 m² tại thôn Táng Nàng. Mục tiêu xây dựng trường THCS xã đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/chỗ học với dự báo số học sinh khối THCS đến năm 2030 khoảng 500 học sinh, đảm bảo về bán kính phục vụ từ 2-4km, mục tiêu đạt trường chuẩn Quốc Gia.

4.4. Các công trình văn hóa- Thể dục thể thao:

- *Nhà Văn Hóa xã*: quy hoạch tại khu trung tâm hành chính xã gần trụ sở UBND xã.

- *Nhà văn hóa thôn*: phần đa các thôn đều đã có nhà văn hóa thôn, riêng thôn Làng Huyền chưa có nhà văn hóa thôn, quy hoạch đảm bảo 15/15 thôn có nhà văn hóa, nhà văn hóa thôn có hội trường 100 chỗ ngồi trở lên, có sân TDTT đơn giản theo tiêu chuẩn nông thôn mới, cần đảm bảo tối thiểu tổng diện tích đất xây dựng nhà văn hóa thôn và sân TDTT đơn giản là 500 m² trở lên. (Diện tích khu đất xây dựng nhà văn hóa thôn tối thiểu là 300m², sân TDTT thôn tối thiểu là 200m²)

- *Khu Thể dục thể thao xã*: Giữ nguyên vị trí và mở rộng quy mô khu đất xây dựng hiện tại thuộc thôn Táng Nàng thêm khoảng 1,25 ha về phía Tây khu đất xây dựng hiện tại.

Mật độ xây dựng 40%; tầng cao 1÷ 2 tầng; Hình thức kiến trúc hiện đại, kết hợp dân tộc địa phương hoặc theo mẫu ban hành; Màu sắc phù hợp với không gian cảnh quan, kiến trúc chung.

4.5. Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức để thực hiện tốt Luật Di Sản văn hóa; Tích cực vận động nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; Tăng cường quản lý Nhà nước trong công tác quản lý, tu bổ và phục hồi di tích; Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử- văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Quy hoạch đất vùng đệm di tích lịch sử Mộ Nhài kết hợp đầu tư phát triển du lịch, quy mô khoảng 75,7 ha.

- Bảo tồn giữ nguyên vị trí quy mô: Đình Làng Huyền (thuộc thôn làng Huyền), Đình Làng Thắm (thuộc thôn Làng Thắm), Khu di tích lịch sử Đèo Keng Giàn (thuộc thôn Lân Gặt), chùa Làng Rộng (thuộc thôn Làng Rộng).

- Quy hoạch mở rộng quy mô khu đất xây dựng, cải tạo Đình Làng Mỏ thuộc thôn Làng Mỏ, quy mô khoảng 1,02ha.

- Quy hoạch mở rộng quy mô khu đất xây dựng, cải tạo Miếu Xa Vùn thuộc thôn Làng Mỏ, quy mô khoảng 0,5ha

- Một số miếu thổ công trên địa bàn xã, giữ nguyên các địa điểm hiện trạng, cần có biện pháp bảo tồn.

4.6. Công trình công cộng khác:

- Thao trường bắn dân quân tự vệ: Quy hoạch xây mới tại thôn Làng Thắm.

- Quy hoạch bãi tập kết và trung chuyển rác thải của xã thuộc thôn Táng Nàng, diện tích khoảng 0,273ha.

4.7. Công trình dịch vụ thương mại - du lịch:

- *Chợ xã* : Giữ nguyên vị trí và quy mô khu đất xây dựng hiện tại thuộc thôn Táng Nàng. Ngoài chợ xã, các công trình dịch vụ thương mại được bố trí dọc theo tuyến giao thông liên xã chủ yếu theo mô hình nhà ở kết hợp kinh doanh thương mại phục vụ nhu cầu thiết yếu cho các hộ gia đình trong xã.

- Tổ chức thêm các khu sản xuất kinh doanh và các điểm du lịch với 2 mô hình du lịch chính trên địa bàn xã là: du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm văn hóa- lịch sử:

- Quy hoạch điểm du lịch dịch vụ Thung Lũng Hoa thuộc thôn Làng Thắm, quy mô khoảng 15,8 ha

- Quy hoạch điểm du lịch sinh thái hồ Phai Thuồng, hồ Nặm Thịn thuộc thôn Pá Ó, thôn Làng Gà. Tổng quy mô khoảng 9,2 ha.

- Quy hoạch mở rộng không gian lễ hội Ná Nhèm (bao gồm: đường rước kiệu, quy mô đường trục thôn mặt cắt khoảng 12m, lề đường 2,5mx2 từ miếu Xa Vùn đến đình Làng Mỏ. Không gian tổ chức lễ hội tại miếu Xa Vùn và Đình Làng Mỏ, tổng quy mô khoảng 3,1 ha

5. Định hướng tổ chức sản xuất:

5.1 Vùng sản xuất nông –lâm nghiệp:

a) Vùng sản xuất nông –lâm nghiệp:

Dựa trên điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất. Quy hoạch thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Các vùng sản xuất nông nghiệp trồng cây hàng năm được thể hiện qua bảng sau.

Bảng 05. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp cây hàng năm

TT	Tên vùng sản xuất	Vị trí
1	Vùng 1: Thuốc lá xuân + Lúa mùa sớm	- Dọc 2 bên ĐT243 -Vùng thung lũng đất nông nghiệp trung tâm xã bằng phẳng và dồi dào về nguồn nước: chủ yếu tại các thôn như thôn Thâm Vót, Làng Gà 1, Làng Gà 2, Làng Rộng, Làng Mỏ, Làng Giáo...
2	Vùng 2: Chuyên màu	- Đất nông nghiệp trung tâm xã: Thôn Táng Nàng. - Thôn Lân Gặt, Lân Cà, Pá Ó, Lân Cà-Lân Hoèn.v.v.v.v - Trồng các loại cây: Ngô, lạc, đậu tương và rau sạch..v.v..

- Vùng sản xuất theo mô hình Vườn - Rừng: Vùng này gần như chiếm toàn bộ diện tích thuộc khu vực thôn Lân Cà, thôn Lân Cà-Lân Hoèn. Khu vực rập rành vùng trồng rừng sản xuất, núi đất có độ dốc vừa phải, hạn chế về nguồn nước hơn thích hợp với những cây trồng lâu năm. Có thể kể hợp với mô hình khác như Vườn-Ao-Rừng; Vườn-Chuồng-Rừng; trồng các cây ăn quả, cây công nghiệp tập trung như cây Mác Ca.

- Vùng trồng rừng sản xuất: Chiếm phần lớn và chủ yếu diện tích đất lâm nghiệp 2 phía Đông Bắc và Tây-Bắc ranh giới xã. Trên các vùng lập địa núi đất chủ yếu thuộc thôn Lân Cà, thôn Pá Ó, thôn Làng Thăm, thôn Lân Gặt, thôn Làng Gà 1, thôn Làng Gà 2,... tập trung phát triển cây lấy gỗ, lựa chọn những loại cây mang lại nguồn lợi kinh tế cao, phù hợp với đặc điểm khí hậu địa phương như: Sấu, Keo, Bạch đàn, Mỡ, Hồi, Quế...

- Vùng trồng rừng phòng hộ: Định hướng đến năm 2030, tổng diện tích đất trồng rừng phòng hộ trên địa bàn xã chiếm khoảng 15% tổng diện tích đất

lâm nghiệp trên địa bàn toàn xã. Tập trung thành vùng lớn khu vực ranh giới phía Nam và Đông-Nam xã thuộc các thôn như: thôn Lân Cà, thôn Lân Cà-Lân Hoèn.

Định hướng đối với ngành lâm nghiệp: Phát triển các vùng sản xuất tập trung: Vùng trồng cây lấy gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng, chú trọng phát triển trồng rừng gỗ lớn bằng loài cây bản địa ở những nơi phù hợp. Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, chú trọng công tác bảo vệ rừng, bảo vệ tốt rừng phòng hộ; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng.

** Khu chăn nuôi tập trung:*

- Dự kiến nghiên cứu mô hình chuyên chăn nuôi ngựa, dê: trên diện tích núi đá trọc ít rừng cây, đất chưa sử dụng.

- Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung, quy mô khoảng 38,40 ha tại thôn Lân Cà- Lân Hoèn.

5.2. Khu chức năng dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại:

Thương mại và dịch vụ sản xuất nông nghiệp (ví dụ như kinh doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi), tập trung phát triển dọc các tuyến đường trục xã, khu vực tập trung dân cư, giao thông thuận lợi trục thôn, đường ĐT243... chủ yếu thuộc thôn Làng Huyền, thôn Làng Thắm, thôn Táng Nàng, thôn Làng Mỏ, thôn Làng Giáo.

Bố trí quy hoạch một số điểm tiểu thủ công nghiệp dọc đường ĐT243, các đường xã, đường trục thôn, liên thôn tại khu vực trung tâm xã khu vực trong tâm thôn, giáp các vùng sản xuất nông nghiệp. Chủ yếu hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn như: gia công thô sản phẩm nông-lâm nghiệp, chế biến gỗ, sấy thuốc lá, tách dầu lạc,...

Quy hoạch một số vị trí phát triển cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp dọc đường ĐT243 và đường tránh mở mới ở khu trung tâm xã thuộc thôn Táng Nàng.

- Quy hoạch mở đất xã phục vụ cho xây dựng, cải tạo hạ tầng xã hội tại xã đất tại thôn Lân Cà, quy mô khoảng 2,1 ha.

- Quy hoạch điểm tập kết và trung chuyển rác thải của xã tại thôn Táng Nàng, quy mô khoảng 0,25 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030: (Phụ lục 01, phụ lục 02 kèm theo)

7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

7.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

** Giao thông đối ngoại:*

- Đối với tuyến đường trục chính ĐT243 trên địa bàn xã giữ nguyên hiện trạng tim đường điều chỉnh phát triển mở rộng về 2 bên, thực hiện cải tạo, nâng cấp theo định hướng chung của tỉnh. Riêng đoạn qua trung tâm xã đảm bảo quy mô mặt cắt lộ giới 17m (Mặt cắt 1-1)

- Các tuyến đường liên xã còn lại quy hoạch đảm bảo quy mô mặt cắt lộ giới trung bình $7,0 \div 9,0\text{m}$ trở lên. Trong đó: mặt đường rộng $3,5 \div 5\text{m}$, lề đường $1,75 \div 2\text{m}$ (Mặt cắt 3-3).

* Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường quy hoạch tại khu trung tâm xã mở rộng tối thiểu 2 làn xe chạy, quy mô mặt cắt lộ giới 15,0m (Mặt cắt 2-2).

- Quy hoạch mở mới một số tuyến đường đối nội đối ngoại cụ thể trong danh mục các dự án ưu tiên đầu tư của lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật giao thông.

- Đường thôn: nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn đạt chuẩn cấp A cấp B miền núi, chỉ giới đường đỏ $8,5\text{m} \div 9,0\text{m}$ (Mặt cắt 4-4) mặt đường rộng $3,5 \div 5\text{m}$, các đoạn qua khu dân cư tập trung bố trí vỉa hè hai bên rộng trung bình 2,5m; các đoạn khác mặt đường rộng từ 3,5m, lề đường 1,25m.

- Hệ thống đường nội đồng, đường phục vụ sản xuất quy hoạch đảm bảo mặt đường tối thiểu từ 2,5m, lề đường từ 0,5m mỗi bên.

* Giao thông tỉnh:

- Tổ chức bãi đỗ xe, vịnh đỗ xe tại các công trình công cộng, trường học, đặc biệt là trường mầm non và trường tiểu học.

- Các tuyến giao thông cắt bố trí 1 làn xe, mặt đường từ 3,5m, chiều dài $\geq 150\text{m}$ phải có điểm quay xe.

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) *San nền:*

- Tận dụng tối đa nền xây dựng hiện trạng, san nền cục bộ theo từng công trình, cụm công trình, cân bằng đào, đắp đảm bảo thoát nước thuận lợi.

- Cao độ xây dựng được xác định trên cơ sở tuân thủ theo quy chuẩn hiện hành. Cao độ của từng thôn sẽ khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện địa hình, thủy văn của từng thôn trên địa bàn xã. Các khu vực dân cư, các công trình công cộng, trụ sở giữ nguyên cốt hiện trạng. Những khu xây dựng, phát triển mới cần cao hơn cốt ngập lụt ($H_{Lũ \max}$). Các công trình công cộng cần tôn nền tới cao độ $H_{Lũ \max} + (0,3 - 0,5)\text{m}$.

b) *Thoát nước mưa:*

- Hướng thoát dựa theo địa hình tự nhiên, chủ đạo theo hướng Tây-Bắc sang phía Đông và Đông -Nam, theo hệ thống mương chảy ra các điểm tụ thủy, khe suối và chảy ra suối chính trên địa bàn xã.

- Xây dựng bổ xung các tuyến mương hở, mương nắp đan ở các tuyến đường thôn tại các vị trí điểm tụ thủy nhằm thoát lũ nhanh trong mùa mưa lũ.
- Xây dựng hệ thống hồ, đập nhỏ, hạn chế lũ quét mùa mưa, trữ nước canh tác mùa khô, hạn chế xói mòn hữu cơ của đất.

7.3. Cấp nước.

Dự báo nhu cầu dùng nước sinh hoạt dự báo đến năm 2030 trên địa bàn xã là 945,5 m³/ng.đ.

- Theo đánh giá hệ thống các khe suối, hồ hiện tại có khả năng cung cấp nước cho sinh hoạt và phục vụ sản xuất. Nước sinh hoạt hiện xã vẫn đang sử dụng một số nguồn nước tự chảy từ các khe núi, từ nguồn nước ngầm từ các giếng khoan theo quy mô gia đình. Hiện tại xã chưa có hệ thống cấp nước sạch tập trung quy mô toàn xã; Qua đánh giá số hộ được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia (QCVN 02:2009/BYT) đạt khoảng hơn 80%.

- Trong giai đoạn đến năm 2025 sử dụng nguồn nước ngầm giếng khoan bơm tăng áp lên bể điều hòa cấp cho khu vực, kết hợp với nguồn nước tự chảy hiện có cấp nước sinh hoạt cho các thôn trung tâm mật độ dân số cao và các khu dân cư trung tâm xã. Đến năm 2030: hoàn thành xây dựng công trình cấp nước tập trung theo quy mô thôn, nhóm thôn hoặc nhóm hộ còn lại với vị trí dự kiến đặt bể cấp nước tập trung.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng và mạng lưới theo dạng cành cây, đường ống dẫn chính và hệ thống đường nhánh được cụ thể tại từng dự án đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế địa phương.

- Nước cho chữa cháy được lấy từ nguồn nước sinh hoạt, và nước phục vụ sản xuất của xã trong trường hợp cấp bách. Hệ thống cấp nước chữa cháy nằm trong phạm vi vùng đường ống cấp nước sinh hoạt, cấp nước tại chỗ.

7.4. Cấp nước tưới sản xuất.

Nước phục vụ sản xuất chủ yếu lấy từ 3 hồ lớn trên địa bàn xã

- Hiện xã đang sử dụng hệ thống kênh mương tưới là mương xây, mương đất để dẫn nước, tuy nhiên đến nay một số đã xuống cấp, nguồn nước tại các con suối có nguy cơ cạn kiệt .

- Để phục vụ sản xuất nông nghiệp cần giải quyết vấn đề nước tưới, định hướng quy hoạch xã đề xuất xây dựng mới 01 trạm bơm, nguồn nước sử dụng nước hồ chứa lớn tại xã, trạm bơm này cơ bản phục vụ tưới cho toàn bộ các cánh đồng khu vực lân cận thiếu nước và cơ bản các vùng xung quanh

- Hệ thống kênh mương; xây dựng tuyến mương dẫn nước khu vực trạm bơm mới xây dựng cải tạo nâng cấp các đập dâng tại các suối hiện trạng khai thông mương dẫn đáp ứng nhu cầu nước tưới cho nông nghiệp, đảm bảo nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp trồng lúa được 2 vụ.

- Thực hiện quy hoạch theo nhu cầu kiên cố hóa tuyến mương và sửa chữa một số đập, phai đang xuống cấp trên địa bàn xã.

7.5. Cấp điện.

- Dự báo nhu cầu dùng điện giai đoạn đầu đến năm 2025 là: 1.180kVA, giai đoạn sau đến năm 2030: trên 1.660 kVA. Nguồn điện của xã hiện đang sử dụng mạng lưới trung thế quốc gia 35KV.

- Dựa trên dự báo nhu cầu điện trên định hướng nâng cấp công suất tổng của 14 trạm biến áp đã được xây dựng lắp đặt trên địa bàn xã với tổng công suất dự báo tới năm 2030 là khoảng 1.740kVA; các trạm biến áp công suất nhỏ 50-75kVA được nâng cấp lên công suất 100-180kVA; định kì kiểm tra bảo dưỡng đảm bảo vận hành đối với các trạm còn lại.

- Các trạm biến áp sử dụng trạm treo, cấp điện áp 35/0,4kv được nâng cấp đảm bảo nhu cầu cấp điện.

- Lưới điện: cải tạo nâng cấp lưới trung thế hiện trạng 35kv theo cấp điện áp chuẩn ngành, đường dây qua khu dân cư sử dụng dây bọc cách điện.

- Lưới điện hạ áp 0,4kv hiện trạng được nâng cấp đảm bảo nhu cầu cấp điện cho các thôn, dây dẫn sử dụng dây bọc cách điện.

7.6. Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang.

a) Thoát nước thải.

- Dự báo tổng lượng thải đến năm 2025 = 294,0 m³/ng.đ, đến năm 2030 = 483,00 m³/ng.đ.

- Giai đoạn đầu nước bẩn được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa, nước bẩn được xử lý qua bể thực hoạt trước khi thoát vào hệ thống thoát nước. Giai đoạn sau khu vực trung tâm, khu đông dân cư và các công trình công cộng, dịch vụ thương mại sẽ dùng giải pháp thoát nước riêng; bổ sung các tuyến cống bao, giếng tách nước bẩn tại các cửa xả nước mưa để thu nước bẩn về trạm xử lý tập trung.

- Nước thải y tế, nước thải các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xử lý theo quy định hiện hành trước khi xả vào hệ thống chung.

b) Quy hoạch thu gom chất thải rắn, nghĩa trang.

- Chất thải rắn được thu gom tập trung, chất thải cần được phân loại tại nguồn trước khi cho vào thùng chứa rác, được thu gom trong ngày vận chuyển đến khu tập kết, trung chuyển rác thải của xã quy mô khoảng 2.750m² thuộc thôn Táng Nàng sau đó đưa đến khu xử lý.

- Nghĩa trang: Các khu nghĩa trang hiện có rải rác tại các khu đất nông nghiệp, lâm nghiệp cần được từng bước hạn chế và đóng cửa khoanh vùng cây xanh. Tuyên truyền, giải thích cho người dân dần thích nghi với tập quán chôn cất tập trung vì môi trường sức khỏe của cộng đồng, không phát triển các nghĩa trang tự phát.

Giai đoạn đến năm 2030: chỉ tiêu 0,04ha/1000 người, tổng nhu cầu đất nghĩa trang trên toàn xã là: 0,3 ha. Hiện trạng trên địa bàn xã có tổng diện tích

đất nghĩa trang, nghĩa địa khoảng 4,6 ha. Dự kiến xây dựng một nghĩa trang tập trung xã tại thôn Táng Nàng với quy mô khoảng 0,5 ha, dự kiến khu nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Đến năm 2030, trên địa bàn xã hoàn thành xây dựng 1 nghĩa trang tập trung, hạn chế phát triển các nghĩa trang tự phát.

7.7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục hạ tầng viễn thông thụ động:

- Tăng cường cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, truyền thanh cho xã; Đẩy mạnh phát triển bưu chính, viễn thông, đưa bưu chính, viễn thông trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin về mọi mặt của đời sống xã hội.

- Tuân thủ theo Quy hoạch chung các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

- Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở. Thực hiện đầu tư, xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở, tạo điều kiện để người dân ở nông thôn nâng cao mức hưởng thụ thông tin.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống loa đài phát thanh truyền tin, đến từng thôn bản.

- Nâng cấp hệ thống phát sóng truyền hình sóng di động mục tiêu phủ sóng 3G, 4G trên địa bàn toàn xã.

8. Các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Dự báo và đánh giá tác động tới các thành phần môi trường: tác động đến môi trường nước, môi trường không khí và tiếng ồn, môi trường đất, chất thải rắn, nghĩa trang và hệ sinh thái.

- Đánh giá tổng hợp các tác động tới môi trường của đề án quy hoạch.

- Giải phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực; các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường; giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường.

9. Phân kỳ đầu tư

** Giai đoạn đến 2025:*

Các công trình hạ tầng xã hội:

- Thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện nhà văn hóa xã, nhà văn hóa các thôn, hoàn thiện sân TDTT xã, sân TDTT thôn đảm bảo theo quy định.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã, đường thôn trên địa bàn, hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã. Phấn đấu đạt theo tiêu chuẩn, tiêu chí về giao thông theo tiêu chuẩn nông thôn mới; Đường nội đồng, giai đoạn đầu cải tạo nâng cấp các tuyến nội đồng hiện có, mở rộng nền đường, giai đoạn sau

khi ngành sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ khoa học, cơ giới hóa cần cứng hóa bê tông các tuyến chính nội đồng, chiều rộng nền trung bình trên 4,0m.

- Xây dựng bổ xung hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật như: các tuyến mương đảm bảo phục vụ tưới, tiêu; công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; hệ thống điện;...

** Giai đoạn sau 2026-2030:*

Các công trình hạ tầng xã hội:

- Xây mới hoàn thiện khu hành chính công cộng xã như: Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND, Công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã, mở rộng và bổ sung cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn xã.

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm xã:

+ Các công trình dịch vụ thương mại, du lịch.

+ Bước đầu phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình dịch vụ xã hội trên địa bàn xã.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: đầu tư xây dựng đường trục xã, các tuyến đường thôn đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác: cấp nước, cấp điện, thoát nước và thông tin liên lạc,...

- Cấp nước sinh hoạt: đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cho các thôn. Cứng hóa 80% tuyến mương, phai đập. Cải tạo, sửa chữa các phai nước, đập dâng xuống cấp trên địa bàn xã.

- Đến năm 2030 tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 100%

- Phấn đấu hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030.

10. Khái toán tổng mức đầu tư:

** Khái toán nhu cầu vốn:* Phụ lục 3 kèm theo

** Nguồn vốn đầu tư:* Vốn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

11. Tiến trình thực hiện các dự án đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Các công trình hạ tầng xã hội: Trụ sở xã, trụ sở Công an, trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã, trường học, trạm y tế xã;

2. Hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn;

3. Nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, sân thể thao xã, sân thể thao thôn;

4. Đường giao thông theo thứ tự đường xã, đường thôn, nội thôn, xóm ngõ, nội đồng;

5. Công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông - thủy lợi; nước sạch; thu gom rác thải,...

6. Công trình thương mại-dịch vụ; Du lịch, khu chăn nuôi tập trung và cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

12. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND xã Trấn Yên có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan công bố công khai nội dung đồ án quy hoạch theo quy định để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. UBND xã Trấn Yên xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt và thực hiện quản lý theo Quy chế quản lý xây dựng đúng với quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa và Thông tin, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Sơn, Chủ tịch UBND xã Trấn Yên, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây Dựng;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thị Thanh Nga